

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 48/2021/HSPT

Ngày 02/7/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán:

1. Bà Lương Hải Yến

2. Ông Vũ Duy Luân

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/HSPT ngày 01 tháng 6 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo Tô Văn Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXPT-HS ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Tô Văn Q; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1974, tại tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Số nhà 197, ngõ 17, tổ dân phố A, thị trấn V, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do (lái xe ôm); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Tô Xuân K (đã chết); con bà: Tô Thị P, bà P được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; có vợ Tô Thị D, có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 1990 đến năm 1993 đi nghĩa vụ quân sự, đơn vị: Trung đoàn 434, Quân đoàn IV; Bản án số 40/HSPT ngày 23/7/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xử phạt Tô Văn Q 12 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T2 sản”, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2002. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và thi hành án dân sự. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/9/2020 (Được trích xuất có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Trịnh Xuân T1, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Lê Trọng T2, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1983

Đều cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Phan Thị H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Các bị hại không có kháng cáo và không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Văn Q làm nghề chạy xe ôm, thường xuyên đón khách tại khu vực Cầu Thắm, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên có quen biết với ông Nguyễn Văn T làm nghề chuyển phát nhanh. Q khoe với ông T là Q thường xuyên vào các cơ quan Nhà nước ở huyện chơi và có mối quan hệ với một số cán bộ trong các cơ quan này. Tin lời Q, từ tháng 6 năm 2019 đến cuối năm 2019, ông T trực tiếp nhờ và giới thiệu cho những người khác gồm: Anh Trịnh Xuân T1, anh Lê Trọng T2 và chị Phan Thị H nhờ Q giải quyết một số vụ việc thì bị Q gian dối nhiều lần chiếm đoạt tài sản, gồm:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6 năm 2019, ông T gọi điện cho Q nói về việc con gái ông T là chị Nguyễn Thị M (đang lao động ở Đài Loan) muốn ly hôn với anh Trịnh Xuân T1, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T nên nói dối có mối quan hệ quen biết, nhờ làm được thủ tục ly hôn, chi phí hết 12.000.000 đồng. Sau đó vài ngày, ông T mang 12.000.000 đồng cùng hồ sơ xin ly hôn của chị M đến đưa cho Q tại quán nước ở vỉa hè, thuộc thôn La Uyên, xã Minh Quang, Q hẹn với ông T 03 tháng sau sẽ làm xong thủ tục ly hôn cho chị M. Sau đó, biết ông T muốn chị M được quyền nuôi con nên Q yêu cầu ông T phải đưa thêm 1.000.000 đồng, để Q xin “01 giấy đặc quyền nuôi con của Hội bà mẹ - Trẻ em”. Tin lời Q, ông T đã đưa cho Q 1.000.000 đồng tại khu vực Cầu Thắm, thị trấn Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Lần thứ 2: Sau khi đưa tiền nhờ Q làm thủ tục giải quyết ly hôn cho chị M, ông T nói với anh T1 (chồng chị M) khi nào Q cần giấy tờ gì thì anh T1 cung cấp. Khoảng tháng 7 năm 2019, anh T1 gọi điện cho Q hỏi về thủ tục ly hôn giữa anh và chị M thì Q nói dối là chưa xong, Q đến nhà anh T1 ở thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình lấy thêm các giấy tờ gồm: giấy chứng minh thư nhân dân của anh T1, giấy đăng ký kết hôn giữa anh T1 và chị M (bản phô tô) và yêu cầu anh T1 đưa 1.800.000 đồng để làm thủ tục ly hôn. Khoảng hai tuần, sau khi nhận giấy tờ và tiền của anh T1, Q gọi điện hẹn rồi đến nhà anh T1 lấy thêm số tiền 1.000.000 đồng để “đưa cho bên hòa giải”. Đến cuối tháng 7 năm 2019, Q gọi điện hẹn anh T1 đến quán cà phê “Lan Anh”, gần khu vực cầu Thắm, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình yêu cầu anh T1 viết giấy cam kết anh T1 và chị M không quay lại với nhau, rồi bảo anh T1 bỏ tiền vào hai phong bì, mỗi phong bì 500.000 đồng đưa cho Q, hẹn một tuần sau sẽ có quyết định ly hôn. Sau khi nhận tiền, giấy tờ do ông T và anh T1 đưa trong các lần nêu trên, Q không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục ly hôn giữa chị Mai và anh T1. Số tiền chiếm đoạt 13.000.000 đồng của ông T

và 3.800.000 đồng của anh T1, Q đã chi tiêu cá nhân hết. Các giấy tờ xin ly hôn giữa chị Mai và anh T1, sau khi bị phát hiện, Q đã trả lại cho ông T. Ông T đưa lại cho anh T1.

- Lần thứ 3: Khoảng tháng 08/2019, anh Lê Trọng T2 đến gặp ông Nguyễn Văn T để tìm người nhờ làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng 196,7m2 đất ruộng sang đất thổ cư, thửa ruộng số 489, tờ bản đồ số 10, tại cánh đồng Cửa Vua, thuộc địa phận thôn Trung Nha, xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông T giới thiệu anh T2 đến gặp Q. Ngày 11/08/2019 anh T2 nhờ ông T dẫn đến nhà Q làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ đất ruộng sang đất thổ cư đối với thửa ruộng nêu trên, nên Q nảy sinh mục đích chiếm đoạt tiền của anh T2, Q nói dối là có mối quan hệ quen biết, nhờ làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chi phí 1.200.000 đồng/m2, tổng chi phí thửa đất trên là 240.000.000 đồng. Anh T2 nói cao, đề nghị giảm thì Q cảm điện thoại, giả vờ gọi cho ai đó, rồi bảo đồng ý giảm xuống còn 220.000.000 đồng, nếu muốn làm thì phải giao trước 2/3 số tiền, khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) thì giao nốt 1/3 số tiền còn lại và sẽ nhận được sổ đỏ sau 06 tháng, tính từ ngày giao tiền. Sau khi về bàn bạc với gia đình, anh T2 gọi điện hẹn Q đến nhà anh T2 lấy tiền. Ngày 12/8/2019, Q đến nhà, vợ chồng anh T2, chị O đã giao cho Q 120.000.000 đồng; Q viết giấy biên nhận vay tiền với thời hạn 06 tháng. Ngày 22/9/2019, Q đến nhà anh T2, yêu cầu anh T2 đưa thêm 20.000.000 đồng cho đủ 2/3 số tiền như đã thỏa thuận. Vợ chồng anh T2 đưa thêm 20.000.000 đồng, Q nhận và viết tiếp vào giấy biên nhận vay tiền lần trước, hẹn đến ngày 12/02/2020 sẽ trả hết (ý hẹn đến ngày này sẽ làm xong thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh T2).

- Lần thứ 4: Cùng trong ngày 22/9/2019, anh T2 nói với Q muốn đi lao động tại Hàn Quốc, Q nói dối là có người quen bảo lãnh sang Hàn Quốc, chi phí 1.000 USD (đô la Mỹ), có gì Q sẽ thông báo lại. Ngày 23/9/2019, Q gọi điện cho anh T2 nói chi phí bảo lãnh đi lao động tại Hàn Quốc là 700 USD (quy đổi ra Việt Nam đồng tại thời điểm này là khoảng 18.500.000 đồng) và hẹn ngày hôm sau đến nhà anh T2 lấy tiền. Ngày 24/9/2019, Q đến nhà, vợ chồng anh T2 đưa cho Q 25.000.000 đồng, bao gồm để chi phí làm thủ tục bảo lãnh cho anh T2 đi lao động tại Hàn Quốc, số tiền còn lại anh T2 bồi dưỡng cho Q, Q nhận và viết tiếp vào giấy biên nhận vay tiền trước đó, hẹn ngày 12/02/2020 sẽ trả hết (ý hẹn đến ngày này sẽ lo được thủ tục bảo lãnh cho anh T2 đi lao động ở Hàn Quốc).

- Lần thứ 5: Tiếp đến, anh T2 còn nhờ Q làm thủ tục cấp sổ đỏ cho thửa đất thổ cư mà gia đình anh T2 đang ở tại thôn T, xã M, huyện V. Q nói dối là có mối quan hệ quen biết, nhờ làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) chi phí hết 8.000.000 đồng và hẹn trong vòng một tuần thì có sổ đỏ. Anh T2 đã đưa 8.000.000 đồng cho Q tại nhà mình nhưng Q không viết giấy biên nhận. Sau 2 tuần không thấy Q đưa sổ đỏ, anh T2 gọi điện hỏi thì Q lấy lý do khi nào xong thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng 196,7m2 đất ruộng sang đất thổ cư, có hai sổ đỏ rồi đưa một thẻ. Khoảng cuối năm 2019, do cần có

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư đang ở để thế chấp vay tiền của ngân hàng nên anh T2 gọi điện cho Q giục. Vì muốn trì hoãn và muốn chiếm đoạt thêm tiền của anh T2 nên Q đến nhà anh T2 đưa ra lý do: thửa đất ở nhà anh T2 có phần đất mua thêm nên phải nộp thêm một khoản phí mua đất là 2.000.000 đồng. Tin lời Q, anh T2 đã đưa thêm cho Q 2.000.000 đồng, khoản tiền này Q cũng không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận được các khoản tiền do vợ chồng anh T2 đưa trong các lần nêu trên, Q không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo lãnh cho anh T2 đi lao động tại Hàn Quốc, đã chiếm đoạt của vợ chồng anh T2 chị O tổng số tiền là 175.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

- Lần thứ 6: Khoảng tháng 10 năm 2019, chị Phan Thị H (tên gọi khác là V) là em vợ của ông Nguyễn Văn T, nói với ông T về việc muốn mua khu đất ruộng bỏ hoang ở ven đường 454, đối diện trường Trung học cơ sở xã Tân Hòa để làm xưởng may. Ông T nhờ Q liên hệ làm thủ tục mua mảnh đất trên thì Q nói dối ngày hôm sau sẽ đưa cán bộ có thẩm quyền về xem rồi mới trả lời. Sau đó mấy ngày, Q gọi điện cho ông T thông báo đã được cán bộ chấp nhận. Ngày 03/11/2019, chị H đi cùng ông T đến nhà Q nhờ Q mua đất, làm sổ đỏ. Khu đất ruộng bỏ hoang này được xác định là thửa ruộng số 43 và 44, tờ bản đồ số 22, thuộc cánh đồng ao cá, thôn Thọ Bi, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư của ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và ông Nguyễn Hoàng A (hiện ông A đã chuyển nhượng cho ông Lại Quốc H) Q nói dối chị H khu đất ruộng này là đất công, yêu cầu chị H phải đưa cho Q số tiền 150.000.000 đồng để đưa cho cán bộ có thẩm quyền để làm “không” hợp đồng thuê đất, viết lùi thời gian về trước, sau đó làm thủ tục chuyển sang đất thổ canh 49 năm và phải nộp số tiền 70.000.000 đồng tiền thuê rồi mới làm thủ tục chuyển sang đất thổ cư. Chị H hẹn Q để về bàn bạc với gia đình, buổi tối cùng ngày chị H gọi điện lại cho Q hẹn ngày hôm sau đến giao tiền. Ngày 04/11/2019, chị H đi cùng với ông T đến gặp Q tại quán cà phê Trung Đô ở thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư và chị H đưa cho Q số tiền 150.000.000 đồng, Q nhận tiền và đưa cho chị H tờ giấy biên nhận vay tiền mà Q đã viết sẵn từ trước hẹn trả tiền vào ngày 04/8/2020 (ý hẹn đến ngày này sẽ làm xong thủ tục mua bán) Q yêu cầu chị H ký không vào 04 đến 05 tờ giấy trắng để sau này làm hợp đồng chị H không phải đi lại nhiều. Ngày 08/11/2019, Q gọi điện cho chị H nói dối hiện đang có 02 bộ hồ sơ đất của người dân chuyển đổi mục đích sử dụng 49 năm nên muốn đưa hồ sơ đất của chị H nộp vào cùng để tránh bị cơ quan chức năng nghi ngờ và chị H phải đưa thêm cho Q số tiền 70.000.000 đồng để nộp thuế như đã thỏa thuận. Q nói chị H đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng để mua thêm 300m2 nữa để cho mảnh đất vuông đẹp hơn; chị H mặc cả xuống 30.000.000 đồng thì Q cũng đồng ý. Ngày 10/11/2019, chị H cùng với ông T đến nhà Q đưa cho Q số tiền 100.000.000 đồng, Q nhận tiền và viết xác nhận thêm vào giấy biên nhận vay tiền lần trước. Sau đó, Q không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục mua bán, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đã chiếm đoạt của chị H tổng số tiền là 250.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Bản án sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48 điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Các Điều 463, 469, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Các Điều, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn Q phạm tội “Lừa đảo đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Tô Văn Q 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09 tháng 9 năm 2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Tô Văn Q phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể gồm: Anh Trịnh Xuân T1 số tiền 3.800.000đồng; ông Nguyễn Văn T số tiền 13.000.000đồng; anh Lê Trọng T2 số tiền 175.000.000đồng; chị Phan Thị H số tiền 250.000.000đồng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) và anh Lê Trọng T2 số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 5/5/2021, bị cáo Tô Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tô Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên xử và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Văn Q.

Bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Tô Văn Q thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, vì vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến cuối năm 2019, Q đã dùng thủ đoạn gian dối, khoe rằng có mối quan hệ quen biết nhiều cán bộ nhà nước để các cá nhân tin tưởng giao tiền, giấy tờ để nhờ Q làm các thủ tục: ly hôn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo lãnh đi lao động ở nước ngoài, để chiếm đoạt tiền của các cá nhân, của: ông Nguyễn Văn T: 13.000.000 đồng; anh Trịnh Xuân T1: 3.800.000 đồng; vợ chồng anh Lê Trọng T2 và chị Nguyễn Thị O: 175.000.000 đồng; chị Phan Thị H: 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo Q không làm được các thủ tục, không có liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để làm các thủ tục trên. Tổng số tiền Tô Văn Q đã chiếm đoạt của những người trên là: 441.800.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tô Văn Q về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Tô Văn Q thì thấy: Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo đã 06 lần dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự cả tin của người khác để chiếm đoạt giá trị tài sản lên đến 441.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đã xem xét đến nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo Q 13 năm tù là đúng pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chưa khắc phục việc bồi thường thiệt hại cũng như trách nhiệm dân sự cho những người bị hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, cần giữ nguyên mức hình phạt tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo bởi lẽ hình phạt tù đó tương xứng với hành vi của bị cáo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Tô Văn Q không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Tô Văn Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn Q phạm tội “Lừa đảo đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Tô Văn Q 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Tô Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 02/7/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA, THA huyện Vũ Thư;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng